

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/DS - ST

Ngày 02-3- 2023

V/v “tranh chấp về thừa kế tài sản;
đòi tài sản là quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Lộc;
2. Ông Phan Văn Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Nguyên Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ Thư - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 tháng 11 năm 2022 và ngày 02 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 31/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2022 về việc : “Tranh chấp về thừa kế tài sản; Tranh chấp đòi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đòi tài sản là quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2022/QĐST-DS ngày 20 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hồng N, sinh năm 1992; nơi cư trú: tổ A, khu phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt có ủy quyền).

Người đại diện theo ủy quyền của chị N: Anh Nguyễn Văn N1, sinh năm 1983; Địa chỉ: B c/c P, E N, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: khu phố G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Bà Trần Kim K, sinh năm: 1965; nơi cư trú : tổ A, khu phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị vắng mặt)

2.2. Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1976; nơi cư trú: Số D tổ E ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Hoàng N2, sinh năm 1979; nơi cư trú: ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 01 năm 2022 của chị Nguyễn Hồng N và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền anh Nguyễn Văn N1 trình bày:

Chị N là con chung của ông Nguyễn Văn L và bà Trần Kim K, trong thời gian ông bà chung sống có tạo dựng được tài sản là phần đất có diện tích khoảng 20.000m² thuộc các thửa đất số 49, 50, 55, 56, 59 tờ bản đồ số 10 đất tọa lạc tại ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh do ông Nguyễn Văn L đứng tên chủ sử dụng đất. Ngày 26/7/2012, ông Nguyễn Văn L chết không để lại di chúc, mọi giấy tờ của ông L do ông Nguyễn Thành Đ là chú ruột của chị N lưu giữ, phần đất nêu trên cũng do ông Đ quản lý và sử dụng cho người khác thuê. Chị có đến gặp yêu cầu ông Đ giao đất lại cho chị quản lý và sử dụng vì chị là người thừa kế của ông L, nhưng ông Đ không đồng ý.

Khi khởi kiện chị có yêu cầu mẹ chị chia thừa kế cho chị và yêu cầu ông Đ trả đất, trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Văn L để chị được hưởng thừa kế của cha. Nhưng quá trình giải quyết vụ án chị mới biết được cha, mẹ chị đã ly hôn theo Bản án số: 37/2012/ST-HNGĐ ngày 15/5/2012 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, trong đó Tòa án xác định phần đất chị đang tranh chấp với ông Đ là tài sản riêng của ông L, do vậy chị yêu cầu được nhận toàn bộ tài sản là phần đất của ông L nêu trên, bà K mẹ chị cũng không được quyền hưởng di sản của cha chị. Anh N1 đại diện cho chị N rút lại yêu cầu khởi kiện bà K, rút yêu cầu ông Đ trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính của ông L.

Nay chị N yêu cầu được nhận thừa kế phần đất diện tích đo đạc thực tế 13084,0 m² thuộc thửa đất số 820, 821 tờ bản đồ số 01 đất tọa lạc tại ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh đứng tên chủ sử dụng ông Nguyễn Văn L và yêu cầu ông Đ giao trả phần đất thừa kế để chị quản lý, sử dụng vì chị là người thừa kế duy nhất của ông L, ông bà nội chị cũng đã chết, cha chị không có con riêng, con nuôi hay cha, mẹ nuôi.

Bị đơn ông Nguyễn Thành Đ vắng mặt không có ý kiến trình bày:

Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với ông Đ như Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận,

công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập đương sự; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Đ không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Bị đơn bà Trần Kim K trình bày tại bản tự khai như sau:

Bà và ông L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990, năm 2012 bà yêu cầu ly hôn với ông L, Tòa án tuyên bà và ông L không phải vợ chồng, phần tài sản có diện tích 13170,5m², tọa lạc tại ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh là tài sản riêng thuộc quyền sử dụng của ông L nên chị N yêu cầu hưởng thừa kế Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng N2 trình bày:

Năm 2016, ông N2 thuê đất của ông Đ trồng lúa nước, có làm hợp đồng thuê đất chị N đang tranh chấp với ông Đ, sau đó ký lại hợp đồng mới từ ngày 30/8/2021 đến ngày 30/8/2024 mới hết hạn hợp đồng, tiền thuê đất là 32.000.000 đồng ông N2 đã trả đủ tiền thuê cho ông Đ. Ông N2 xác định không có tranh chấp, không yêu cầu trong vụ án này.

-Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội qui phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 166; 609, 612, 613, 623, 649, 651, 652 của Bộ luật Dân sự; Điều 166, 203 của Luật đất đai: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp về thừa kế tài sản của chị Nguyễn Hồng N; chị Nguyễn Hồng N được hưởng di sản của ông Nguyễn Văn L phần đất có diện tích 13084.0m² thuộc thửa đất số 820, 821 tờ bản đồ số 01 đất tọa lạc tại ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh đứng tên ông Nguyễn Văn L. Buộc ông Đ phải giao trả phần đất cho chị N quản lý, sử dụng. Căn cứ Nghị quyết số : 326/NQ-QH về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Nguyễn Thành Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do; bà Trần Kim K, ông Nguyễn Hoàng N2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt căn cứ quy định tại khoản 1, 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt ông Đ, bà K, ông N2.

[1.2] Chị N khởi kiện ông Nguyễn Thành Đ có nơi cư trú tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố

tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu ông Đ trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và rút phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn bà Trần Kim K, căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Theo giấy chứng nhận QSD đất số L 982931, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS00744QSDĐ/494/QĐ-UBND(H) ngày 06/8/1999, ông Nguyễn Văn L được cấp diện tích đất 4000 m² thửa đất số 819 tờ bản đồ số 1 tọa lạc tại ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh và giấy chứng nhận QSD đất số H 055617, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 00191QSDĐ/450505 ngày 14/01/1997, ông Nguyễn Văn L được cấp diện tích đất 6150 m² thửa đất số 820 tờ bản đồ số 1 tọa lạc tại ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Qua xác minh thì số liệu đo đạc vào năm 2010 và thực tế đất của ông L đang sản xuất gồm các thửa 49, 50, 55, 56, 59 (có diện tích: 3476.3 + 1512.2 + 3182.1 + 3104.9 + 18940 diện tích 13.170,5m²). Phần đất đo đạc thực tế có diện tích là 13084,0m² thuộc thửa đất số 820, 821 tờ bản đồ số 01 đất tọa lạc tại ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh, đứng tên ông Nguyễn Văn L. Hơn nữa, căn cứ theo bản án số 37/2012/ST-HNGĐ ngày 15/5/2012 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh (đã có hiệu lực pháp luật) công nhận ông L là chủ sử dụng đất, vì vậy theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự đây là sự kiện không cần phải chứng minh.

[2.3] Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp:

- Phần đất có diện tích đo đạc thực tế 13084,0m² thuộc thửa đất số 820, 821 tờ bản đồ số 01 đất tọa lạc tại ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận như sau:
 - + Hướng Đông giáp nương nước;
 - + Hướng Tây giáp đất ông Lê Văn M;
 - + Hướng Nam giáp nương nước (thửa 55, 59);
 - + Hướng Bắc giáp đất ông Thi Văn C.
- Trị giá phần đất tranh chấp diện tích đất trồng lúa nước theo biên bản định giá là: 588.780.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị N được hưởng thừa kế tài sản của ông L và buộc ông Đ giao đất là di sản cho chị quản lý, sử dụng.

[3.1] Về yêu cầu chia thừa kế tài sản: Ông L chết không để lại di chúc, chị N là hàng thừa kế thứ nhất và duy nhất theo pháp luật nên tài sản chị được hưởng là toàn bộ diện tích 13084,0m² thuộc thửa đất số 820, 821 tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh, thuộc quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn L. Tại Công văn số: 130/VPĐKĐĐ-CN ngày 12/01/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T- Chi nhánh C1: Diện tích 13084,0m² đo đạc thực tế theo sơ đồ xác nhận ngày 30/8/2022, giảm 86,5 m² so với diện tích 1317,5m² đo đạc năm 2012, do ranh giới thửa đất có thay đổi). Nên đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu được hưởng thừa kế tài sản là quyền sử dụng diện tích 13084,0m² của chị N là phù hợp.

[3.2] Về yêu cầu của chị N buộc ông Đ là người đang quản lý, sử dụng di sản của ông L phần đất diện tích 13084,0m² tọa lạc tại ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh để cho chị N quản lý, sử dụng là phù hợp. Do đó, buộc ông Đ trả cho chị N diện tích 13084,0m² là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Ghi nhận người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng N2 không có yêu cầu tranh chấp trong vụ án này.

[5] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về chi phí tố tụng: Anh Nguyễn Văn N1 đại diện cho chị N tự nguyện chịu số tiền 5.060.000 đồng nên ghi nhận, đã nộp xong.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của chị N được chấp nhận nên ông Đ phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 là 300.000 đồng. Tuy nhiên, anh N1 đại diện chị N tự nguyện chịu số tiền án phí 300.000 đồng nên ghi nhận.

Chị N phải chịu án phí trên số tài sản thừa kế được hưởng tương đương số tiền 588.780.000 đồng = [20.000.000 đồng + (188.780.000 đồng x 4% = 7.551.200 đồng)] = 27.551.200 đồng (làm tròn số 27.551.000 đồng).

Tổng cộng chị N phải chịu 27.851.000 đồng (Hai mươi bảy triệu tám trăm năm mươi một nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 166, 609, 612, 613, 623, 649, 651, 652 của Bộ luật Dân sự; Điều 166, 203 của Luật đất đai; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp về thừa kế tài sản” và “Tranh chấp đòi tài sản là quyền sử dụng đất” của chị Nguyễn Hồng N.

1.1. Chị Nguyễn Hồng N được quyền sử dụng diện tích 13084.0 m² thuộc thửa đất số 820, 821 tờ bản đồ số 01 (tương ứng các thửa 49, 50, 55, 56, 59, tờ bản đồ số 10, đo lường năm 2010), tứ cận: hướng Đông giáp nương nước; hướng Tây giáp đất ông Lê Văn M (thửa 46, 54); hướng Nam giáp nương nước; hướng Bắc giáp đất ông Thi Văn C (thửa 43) tọa lạc tại ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh (Kèm theo sơ đồ hiện trạng sử dụng thửa đất).

1.2. Buộc ông Nguyễn Thành Đ có nghĩa vụ giao trả cho chị Nguyễn Hồng N diện tích 13084.0 m² thuộc thửa đất số 820, 821 tờ bản đồ số 01 (tương ứng các thửa 49, 50, 55, 56, 59 tờ bản đồ số 10, đo lường năm 2010), tứ cận: hướng Đông giáp nương nước; hướng Tây giáp đất ông Lê Văn M (thửa 46, 54); hướng Nam giáp nương nước; hướng Bắc giáp đất ông Thi Văn C (thửa 43) tọa lạc tại ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh (Kèm theo sơ đồ hiện trạng sử dụng thửa đất).

1.3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hồng N, yêu cầu ông Nguyễn Thành Đ trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chủ sử dụng

ông Nguyễn Văn L và đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hồng N đối với bà Trần Kim K.

1.4. Ghi nhận ông Nguyễn Hoàng N2 không tranh chấp trong vụ án này.

2. Về chi phí tố tụng:

Ghi nhận chị Nguyễn Hồng N tự nguyện chịu số tiền 5.060.000 đồng, đã nộp xong.

1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ghi nhận chị Nguyễn Hồng N tự nguyện chịu thay ông Nguyễn Thành Đ số tiền án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Ông Nguyễn Thành Đ không phải chịu án phí.

3.2. Buộc chị Nguyễn Hồng N phải chịu án phí số tiền 27.551.000 đồng.

Tổng cộng chị N phải chịu 27.851.000 đồng (Hai mươi bảy triệu tám trăm năm mươi một nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí khởi kiện đã nộp 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 0017106 và 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0017107 ngày 11/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Chị N còn phải nộp tiếp số tiền 25.051.000 (Hai mươi lăm triệu, không trăm năm mươi một nghìn) đồng.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Phòng nghiệp vụ TAND t. Tây Ninh;
- VKSND h. Châu Thành, t.Tây Ninh;
- Chi CTHADS h. Châu Thành, t.Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án (Hg).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Hương

